**NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 8**

**TIẾT 29 – 30:**

**VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**( 2 tiết )**

**PHẦN 1:**

Học sinh đọc kiến thức và xem các câu hỏi tìm hiểu SGK/60, 61, 62, 63

**PHẦN 2:**

Học sinh ghi các nội dung sau đây vào vở bài học:

**TIẾT 29 - 30.**

**VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**( 2 tiết )**

**I. Giới thiệu tri thức Ngữ văn**

- Thể thơ lục bát (SGK/60)

**II. Đọc- Hiểu văn bản**

**1. Trải nghiệm:**

- Thể loại: Ca dao

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

- Bố cục: 4 phần

**2. Suy ngẫm, phản hồi.**

**a. Bài ca dao 1:**

- 13 câu đầu: Niềm tự hào về 36 phố phường của Hà Nội xưa

- 5 câu tiếp theo:

+ “Phồn hoa”, “phố giăng mắc cửi”, “đường quanh bàn cờ”: sự đông đúc,nhộn nhịp của phố phường.

+ “Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ”: Tình cảm lưu luyến khi phải xa Long Thành.

(Liệt kê)

=> Tình yêu, niềm tự hào và nỗi nhớ khi phải xa thành Thăng Long.

**b. Bài ca dao 2:**

- Vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc.

- Hình thức: Lời hỏi - đáp của chàng trai và cô gái.

=> Niềm tự hào và tình yêu với quê hương đất nước.

**c. Bài ca dao 3:**

- Gợi lên vẻ đẹp của vùng đất Bình Định:

+ Vẻ đẹp thiên nhiên, lịch sử đấu tranh.

+ Lòng chung thuỷ, sắt son của người phụ nữ.

+ Những món ăn dân dã đặc trưng.

( Điệp ngữ, liệt kê)

🡪 Nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định và thể hiện lòng tự hào của tác giả dân gian về mảnh đất quê hương.

**d. Bài ca dao 4:**

- “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” : thể hiện sự trù phú.

(Điệp ngữ)

=> Thể hiện niềm tự hào về sự giàu có, trù phú của thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười.

**III. Tổng kết:**

**1. Nội dung:**

- Thể hiện được vẻ đẹp thiên nhiên, con người, truyền thống lịch sử đấu tranh, văn hoá,… qua đó thể hiện tình cảm, sự tự hào về quê hương, đất nước.

**2. Nghệ thuật**

- Thể thơ lục bát.

- Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, mộc mạc.

- Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp ngữ.

**IV. Luyện tập**

Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương.

**PHẦN 3:** Học sinh hoàn tất phần luyện tập vào tập bài soạn.

**TIẾT 31 - 32: VĂN BẢN 2**

**VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA**

**– *NGUYỄN ĐÌNH THI* –**

**PHẦN 1:**

Học sinh đọc kiến thức và xem các câu hỏi tìm hiểu SGK/ 64; 65.

**PHẦN 2:**

Học sinh ghi các nội dung sau đây vào vở bài học:

**TIẾT 31 - 32: VĂN BẢN 2**

**VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA**

**– *NGUYỄN ĐÌNH THI* –**

**I. Giới thiệu tri thức Ngữ văn**

**II. Đọc – Hiểu văn bản**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản:**

**a. Tác giả :** Nguyễn Đình Thi

- Quê gốc: Hà Nội

- Ông là nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, sáng tác kịch, âm nhạc.

- Chủ đề quan trọng của ông là ca ngợi quê hương.

**b. Tìm hiểu chung**

- Thể thơ: lục bát

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.

**2. Suy ngẫm, phản hồi.**

**a. Vẻ đẹp thiên nhiên**

 So sánh: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

 → **Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, yên bình, khoáng đạt.**

**b. Vẻ đẹp con người Việt Nam**

- Chịu thương chịu khó

- Bất khuất anh hùng

- Hiền lành, ân tình, thủy chung

- Tài năng

+ "Trăm nghề trăm vùng".

+ "Dệt thơ trên tre".

(Nghệ thuật: So sánh)

**→ Con người Việt Nam giản dị, chịu thương, chịu khó, kiên cường, bất khuất, thủy chung và khéo léo.**

**c. Tình cảm của tác giả:**

+ Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn,

+ Quê hương biết mấy thân yêu

→ Ca ngơi, tự hào về đất nước, quê hương

+ Bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương

+ Mặt người vất vả in sâu

→ Sự đồng cảm với những vất vả, hi sinh của người dân.

* **Tình  cảm yêu mến, quý trọng với đất nước, dân tộc.**

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

- Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam qua đó thể hiện tình yêu và niềm tự hào.

**2. Nghệ thuật**

- Thể thơ lục bát kết hợp những biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ.

**IV. Luyện tập**

Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về một nét đẹp của người Việt Nam.

**PHẦN 3:** Học sinh hoàn tất phần luyện tập vào tập bài soạn.

**Hết**